

HƯỚNG DẪN

Về việc điều chỉnh dự toán xây dựng công trình, dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003; Luật số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009 sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 04/2011/QĐ-UBND ngày 14/02/2011 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 08/6/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc công bố Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 09/6/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc công bố Bộ đơn giá xây dựng công trình - Phần xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 09/6/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc công bố Bộ đơn giá xây dựng công trình - Phần lắp đặt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 217/2008/QĐ-UBND ngày 07/8/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Bộ Đơn giá dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi,

Sở Xây dựng hướng dẫn điều chỉnh dự toán xây dựng công trình, dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị của các Bộ đơn giá đã được Chủ tịch UBND tỉnh ban hành hoặc công bố để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, như sau:

1. Xác định giá nhân công xây dựng

1.1. Nguyên tắc xác định giá nhân công xây dựng

a) Giá nhân công xây dựng được xác định trên cơ sở tính đúng, tính đủ tiền lương nhân công và phù hợp với mặt bằng thị trường lao động phổ biến của từng khu vực theo từng ngành nghề cần sử dụng (quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009).

b) Trong thời gian cơ quan có thẩm quyền chưa ban hành hướng dẫn điều chỉnh bậc thợ, hệ thống tính đơn giá định mức theo quy định của Bộ Luật Lao động năm 2012, tạm thời áp dụng cách tính nhân hệ số theo hệ thống thang bảng lương quy định tại Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ (phương pháp này được Bộ Xây dựng hướng dẫn tại Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 về Hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình).

c) Về mức lương tối thiểu làm cơ sở để xác định mức lương cơ bản. Thực hiện theo Công văn số 1718/UBND-CNXD ngày 06/5/2014 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh dự toán xây dựng công trình năm 2014 trên địa bàn tỉnh; Công văn số 768/SXD-KTKHXD&HT ngày 30/5/2014 của Sở Xây dựng về việc hướng dẫn điều chỉnh chi phí nhân công để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh.

1.2. Mức lương tối thiểu vùng (LTTV) làm cơ sở để xác định lương cấp bậc, lương phụ và lương khoán trực tiếp được xác định như sau:

TT	Huyện/vùng	Mức lương tối thiểu vùng
1	Thành phố Quảng Ngãi và các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh (Vùng III)	1.800.000 đồng/tháng
2	Các huyện còn lại (Vùng IV)	1.650.000 đồng/tháng

1.3. Lương tối thiểu chung (LTTG): Dùng để xác định các khoản phụ cấp lương theo quy định. Áp dụng mức lương tối thiểu chung 1.050.000 đồng/tháng theo Nghị định số 31/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ.

1.4. Hệ thống thang, bảng lương: Tạm thời áp dụng theo quy định tại Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ quy định hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong các Công ty nhà nước tại bảng lương A1, thang 7 bậc lương, ngành số 8 - Xây dựng cơ bản (A.1.8).

1.5. Các khoản phụ cấp được tính như sau:

a) Phụ cấp lưu động: Theo quy định tại Thông tư số 05/2005/TT-BLĐTBXH ngày 05/01/2005 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, cụ thể như sau:

- Bằng 60% x lương tối thiểu chung (LTTG) quy định tại Mục 1.3 đối với các công trình xây dựng ở các địa phương thuộc miền núi cao và đảo xa.

- Bằng 40% x LTTG quy định tại Mục 1.3 đối với các công trình xây dựng ở các địa phương thuộc miền núi và trung du.

- Bằng 20% x LTTG quy định tại Mục 1.3 đối với các công trình xây dựng ở vùng đồng bằng.

- Đối với các công trình xây dựng tổng mức phụ cấp lưu động và hệ phụ cấp khu vực > 0,2: Chi phí nhân công khi lập dự toán theo đơn giá (CPNC) tính theo công thức sau:

$$CPNC = NC \times K_{nc} \times \left(1 + \frac{M_{PCLD} + HS_{PCKV} - 0,2}{H_1} \right)$$

+ M_{PCLD} : Mức phụ cấp lưu động tính theo mục 1.5.

+ HS_{PCKV} : Hệ số phụ cấp khu vực tính theo mục 1.5.

+ H_1 : Hệ số biểu thị quan hệ giữa chi phí nhân công trong đơn giá so với tiền lương tối thiểu chung. Hệ số H_1 tra theo *Bảng 2 Phụ lục 3*.

3. Chi phí máy thi công và phương pháp tính toán điều chỉnh chi phí máy thi công:

Chi phí máy thi công khi dự toán lập theo đơn giá (CPM): Bằng chi phí máy thi công (C_{CM}) trong dự toán cộng với chênh lệch giữa chi phí nhiên liệu, điện năng (Q_{NL}), tiền lương thợ điều khiển máy (Q_{TL}) tại thời điểm điều chỉnh dự toán so với thời điểm xây dựng đơn giá ca máy (*Công bố tại Quy định số 189/QĐ-UBND ngày 09/6/2014 của UBND tỉnh*).

$$CPM = C_{CM} + Q_{NL} + Q_{TL}$$

$$Q_{NL} = \sum_{i=1}^n C_A^i \times M_{NL}^i \times (G_2 - G_1)$$

$$Q_{TL} = \sum_{i=1}^n C_A^i \times (M_{TL}^i + CL_{TLV}^i + PC_{KVLĐ}^i)$$

Trong đó:

+ Q_{NL} : Tổng chênh lệch nhiên liệu, điện năng.

+ Q_{TL} : Tổng chênh lệch tiền lương thợ điều khiển máy.

+ C_A^i : Số ca máy của loại máy thi công thứ i .

+ M_{NL}^i : Định mức nhiên liệu, điện năng của loại máy thi công thứ i .

+ M_{TL}^i : Hao phí tiền lương thợ điều khiển máy của loại máy thi công thứ i trong đơn giá ca máy.

+ CL_{TLV}^i : Chênh lệch tiền lương thợ điều khiển máy của loại máy thi công thứ i giữa vùng III và vùng IV.

* Đối với công trình xây dựng ở vùng IV: $CL_{TLV}^i = 0$.

* Đối với công trình xây dựng ở vùng III: CL_{TLV}^i bằng giá trị tương ứng đối với máy thi công thứ i tại cột 4 Phụ lục 3.

+ $PC_{KVLĐ}^i$: Bù chi phí phụ cấp lưu động và phụ cấp khu vực.

Trường hợp tổng mức phụ cấp lưu động và hệ số phụ cấp khu vực bằng 0,2 thì $PC_{KVLĐ}^i = 0$. Ngược lại, $PC_{KVLĐ}^i$ tính theo công thức:

b) Phụ cấp khu vực: Xác định theo Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT BNV-BLĐTBXH-BTC-UBND ngày 05/01/2005 Thông tư liên tịch Bộ Nội vụ, Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Ủy ban Dân tộc, cụ thể :

- Bằng **Hệ số phụ cấp khu vực x LTTC** quy định tại Mục 1.3 đối với các công trình xây dựng ở các địa phương theo quy định được hưởng phụ cấp khu vực. Hệ số phụ cấp khu vực tỉnh Quảng Ngãi chi tiết tại *Phụ lục số 2* của hướng dẫn này.

c) Theo quy định tại Thông tư 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

- Lương phụ xác định bằng 12% tiền lương cấp bậc;

- Lương khoán trực tiếp xác định bằng 4% tiền lương cấp bậc.

1.6. Xác định đơn giá ngày công:

$$G_{nc} = \frac{LCB + PCLĐ + PCKV + LP + LKTT}{26}$$

Trong đó:

G_{nc} : Đơn giá ngày công lao động.

LCB : Lương cấp bậc. LCB = Hệ số lương x LTTV ở Mục 1.2

PCLĐ: Phụ cấp lưu động. PCLĐ = Mức phụ cấp lưu động x LTTC ở Mục 1.2

PCKV: Phụ cấp khu vực. PCKV = Hệ số phụ cấp khu vực x LTTC

LP: Lương phụ. LP = 12% x LCB

LKTT: Lương khoán trực tiếp. LKTT = 4% x LCB

1.7. Đơn giá nhân công trong xây dựng từng vùng, nhóm công việc, phụ cấp lưu động ở mức 20% tiền lương tối thiểu chung, một số khoản lương phụ (nghỉ lễ, tết, phép...) bằng 12% và một số chi phí có thể khoán trực tiếp cho người lao động tính bằng 4% so với tiền lương cấp bậc trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi chi tiết tại *Phụ lục 1* của hướng dẫn này.

2. Chi phí nhân công và hệ số điều chỉnh nhân công khi lập dự toán theo đơn giá do UBND tỉnh ban hành hoặc công bố

- Đối với các công trình xây dựng có tổng mức phụ cấp lưu động và hệ số phụ cấp khu vực bằng 0,2: Chi phí nhân công khi lập dự toán theo đơn giá (CPNC) bằng chi phí nhân công trong đơn giá địa phương (NC) nhân với hệ số điều chỉnh nhân công (K_{nc}). Hệ số K_{nc} tra theo *Bảng 1 Phụ lục 3*.

$$CPNC = NC \times K_{nc}$$

$$PC_{KVLĐ}^i = \frac{1050.000 \times STĐK^i \times (M_{PCLĐ} + HS_{PCKV} - 0,2)}{26}$$

STĐKⁱ: Số thợ điều khiển máy thi công thứ i. STĐKⁱ bằng giá trị tương ứng đối với máy thi công thứ i tại cột 5 Phụ lục 4.

+ G₂: Giá nhiên liệu, điện năng tại thời điểm lập, điều chỉnh dự toán (chưa bao gồm thuế VAT).

+ G₁: Giá nhiên liệu, điện năng tại thời điểm xây dựng đơn giá ca máy (chưa bao gồm thuế VAT). G₁ xác định theo *Bảng 3 Phụ lục 3*.

Ghi chú: Đối với chi phí máy thi công khi lập dự toán theo các Bộ đơn giá khảo sát (*Công bố tại Quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 23/6/2008 của UBND tỉnh*) và Bộ đơn giá Dịch vụ công ích đô thị (*ban hành tại Quyết định số 217/2008/QĐ-UBND ngày 07/8/2008 của UBND tỉnh*) thì Q_{NL}, Q_{TL} tính toán như trên, riêng C_{CM} tính theo công thức sau:

$$C_{CM} = \sum_{i=1}^n (C_A^i \times G_A^i)$$

Trong đó: G_Aⁱ: Giá ca máy thứ i trong đơn giá ca máy (*công bố tại Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 09/6/2014 của UBND tỉnh*).

(*Có ví dụ tính toán điều chỉnh giá ca máy tại Phụ lục 5*)

4. Các khoản mục chi phí tính bằng định mức tỷ lệ (%) trong dự toán chi phí xây dựng bao gồm: Chi phí trực tiếp khác, chi phí chung, thu nhập chịu thuế tính trước, thuế giá trị gia tăng, nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công được tính bằng định mức tỷ lệ (%) theo quy định.

Một số chi phí khác tính bằng định mức tỷ lệ (%) trong dự toán xây dựng công trình như: Chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn ... được tính theo các quy định hiện hành của Nhà nước

Một số khoản mục chi phí tính bằng định mức tỷ lệ (%) trong dự toán chi phí khảo sát, dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị được tính bằng định mức tỷ lệ (%) theo quy định.

5. Tổ chức thực hiện

5.1. Hướng dẫn này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình của các dự án sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên.

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình sử dụng ít hơn 30% vốn nhà nước áp dụng hướng dẫn này để điều chỉnh chi phí nhân công, máy thi công (nhân công điều khiển máy).

5.2. Hướng dẫn này được áp dụng kể từ ngày 09/6/2014.

5.3. Xử lý thực hiện chuyển tiếp

- Các công trình, hạng mục công trình thực hiện lập dự toán, tổng mức đầu tư của các dự án hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình kể từ ngày 09/6/2014 trở về sau đều phải lập dự toán, tổng mức đầu tư theo hướng dẫn này. Các công trình, hạng mục công trình đã và đang lập dự toán nhưng chưa phê duyệt thì chủ đầu tư tổ chức lập lại dự toán theo hướng dẫn này.

- Các công trình, hạng mục công trình đã được cấp thẩm quyền phê duyệt dự toán, tổng mức đầu tư trước ngày 09/6/2014 và chủ đầu tư đã triển khai công tác đấu thầu, đã ký hợp đồng thi công xây lắp thì tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo mà không phải lập, phê duyệt lại dự toán, tổng mức đầu tư theo hướng dẫn này.

- Các công trình, hạng mục công trình đã được cấp thẩm quyền phê duyệt dự toán, tổng mức đầu tư nhưng chưa triển khai các bước: tổ chức đấu thầu, chỉ định thầu, quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu, thương thảo, ký hợp đồng thi công chủ đầu tư có trách nhiệm kiểm tra, rà soát lại định mức, đơn giá theo các Bộ đơn giá xây dựng và lắp đặt (Quyết định số 188/QĐ-UBND và 189/QĐ-UBND) để điều chỉnh lại giá gói thầu, thương thảo, ký hợp đồng thi công báo cáo cho cấp quyết định đầu tư.

5.4. Việc điều chỉnh giá hợp đồng, thanh toán khối lượng thực hiện hợp đồng thành kể từ ngày 09/6/2014 thực hiện theo nội dung hợp đồng đã ký kết giữa các bên và quy định của nhà nước có liên quan.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo giải quyết./. *ll*

Nơi nhận: *ll*

- UBND các huyện, thành phố;
- Các Sở, Ban, ngành tỉnh;
- UBND tỉnh (thay b/c);
- BQL KKT DQ;
- BQL các KCN tỉnh;
- Các chủ đầu tư;
- GD và các Phó GD Sở;
- Trang tin Sở XD;
- Lưu: VT, KTKHXD&HT (Kh).



GIÁM ĐỐC

ll
Phạm Tấn Hoàng